TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06/6/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên phiên toà*: Bà Nguyễn Thị H
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Lê Thị H
Ông Lê Văn L
- *Thư ký phiên toà*: Bà Dương Thị T – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hoà.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Bích T – Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2018 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thu T – sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn S, xã T, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà
Có mặt.
- *Bị đơn*: Ông Trần Hữu P – sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn X, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày:* Bà và ông Trần Hữu P kết hôn tại UBND phường T được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 16/11/2009. Quá trình chung sống bà và ông P xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2015 đến nay bà và ông P không còn sống chung với nhau nữa. Bà không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu được ly hôn ông P.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung Trần Lê Bảo L – sinh ngày 22/7/2010 và Trần Đăng K – sinh ngày 10/02/2014. Cháu L hiện tại đang ở với ông P nên bà giao cho ông P nuôi dưỡng. Bà xin nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. *Ông Trần Hữu P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.*

3. *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bà Lê Thị Thu T tại phiên tòa thể hiện: Bà và ông Trần Hữu P kết hôn tại UBND phường T được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 16/11/2009. Quá trình chung sống bà và ông P xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2015 đến nay bà và ông P không còn sống chung với nhau nữa. Bà không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu được ly hôn ông P. Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải và xét xử nhưng ông P vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông P không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà T. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông P và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Về con chung: Ông bà có 02 con chung Trần Lê Bảo L – sinh ngày 22/7/2010 và Trần Đăng K – sinh ngày 10/02/2014. Cháu L hiện tại đang ở với ông P nên bà giao cho ông P nuôi dưỡng. Bà xin nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu L có nguyện vọng ở với cha nên đề nghị giao cho ông P nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

1. Về tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trần Hữu P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Tại phiên tòa bà Lê Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Trần Hữu P kết hôn tại UBND phường T được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 16/11/2009. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống bà và ông P xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2015 đến nay bà và ông P không còn sống chung với nhau nữa. Toà án đã triệu tập ông P để hòa giải và mở phiên toà xét xử nhưng ông P vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông P không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Lê Thị Thu T và ông Trần Hữu P đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa ông P và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung Trần Lê Bảo L – sinh ngày 22/7/2010 và Trần Đăng K – sinh ngày 10/02/2014. Cháu L hiện tại đang ở với ông P nên bà giao cho ông P nuôi dưỡng. Bà xin nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu L có nguyện vọng ở với cha nên giao cho ông P nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu L, giao cháu K cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông P thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Lê Thị Thu T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Thu T

1. Bà Lê Thị Thu T được ly hôn ông Trần Hữu P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Bảo L – sinh ngày 22/7/2010 cho ông P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Trần Đăng K – sinh ngày 10/02/2014 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông P vắng mặt nên tách yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ong P thành vụ án khác khi có yêu cầu. Ông P, bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của ông P thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thu T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000335 ngày 31/8/2017 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã N; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND p.T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hướng